

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 405/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Nam Hùng

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1841/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1187/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1989

CCCD số: 051189014980

Thường trú: Số 34 Đường 15, phường M, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cư trú: Số 50 đường Hoàng Diệu, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bình Thuận (nay là xã D, tỉnh Bình Thuận) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1983

CCCD số: 079083001156

Cư trú: Số 34 Đường 15, phường M, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2024 và lời trình bày của bà Đoàn Thị C trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 14/11/2008. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà đã tách ra sống riêng từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả bà và ông T cũng không liên lạc với nhau. Từ ngày bà nộp đơn khởi kiện, tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông T cố tình không đến Tòa, cũng không có thiện chí hòa giải để hàn gắn. Vì vậy, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 03/12/2014 và Bùi Thị Thanh T2, sinh ngày 11/02/2010. Hiện nay các con chung đang sinh sống với ông T. Ly hôn bà đồng ý giao hai con chung cho ông Bùi Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi các con đủ tuổi 18 tuổi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/11/2024 bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày: Sau khi ông bị chấn thương sọ não thì mùa hè năm 2018, bà C dẫn hai con về quê hết 3 tháng hè, sau đó gia đình ông ra huyện Đức Linh để đưa hai con ông về để học tập tiếp tục cho đến nay. Còn bà C thì tự do đến nay không trở về, hiện nay bà C ở đâu và làm gì ông không biết. Việc bà C yêu cầu giải quyết ly hôn do Hội đồng xét xử quyết định. Về con chung Bùi Thị Thanh T2, sinh ngày 11/02/2010 và Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 03/12/2014 đã sinh sống với ông và cha mẹ ông từ lúc sinh ra cho đến nay, đã có nơi ở và học tập ổn định. Nếu ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi các con chung.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Bùi Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đoàn Thị C được ly hôn ông Bùi Thanh T. Giao hai con

chung Bùi Thị Thanh T2, sinh ngày 11/02/2010 và Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 03/12/2014 cho ông Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn xin ly hôn của bà Đoàn Thị C thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số 34 Đường 15, phường M, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Xét, bà Đoàn Thị C là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Thanh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: xét, bà Đoàn Thị C và ông Bùi Thanh T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 2008 ngày 14/11/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp.

Căn cứ vào kết quả xác minh do Công an phường M, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì “Ông Bùi Thanh T có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số 34 Đường 15, phường M, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh)”. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt giấy triệu tập cho ông T đến Tòa, để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải hai lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông T không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà C, từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung

không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà C có đơn yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của bà C, ông T phù hợp với các Giấy khai sinh số 357, quyển số 02/2014 ngày 11/12/2014 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy khai sinh số 38, quyển số 01/2010 ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà C và ông T có hai con chung tên Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 03/12/2014 và Bùi Thị Thanh T2, sinh ngày 11/02/2010. Hiện nay các con chung đang sống chung với ông T, căn cứ nguyện vọng của hai con là được sống với cha Bùi Thanh T, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho ông Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi các con chung, tuy nhiên bà C có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi con một tháng 1.000.000 đ (một triệu đồng) vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Đoàn Thị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0043158 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Đoàn Thị C phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị C;

Bà Đoàn Thị C được ly hôn ông Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Bùi Thị Thanh T1, sinh ngày 03/12/2014 và Bùi Thị Thanh T2, sinh ngày 11/02/2010 cho ông Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) vào ngày 15 của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Thanh T, nếu bà Đoàn Thị C chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bà C còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0043158 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Đoàn Thị C phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDKV2 – TPHCM;
- THADSTPHCM;
- Đương sự;
- UBND phường L,
TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà